TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2019
V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Các

2. Ông Đỗ Ngọc Cận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đào Thị Hồng H**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Hữu Thi Đ** (tên gọi khác Hữu Anh Đ), sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Hồng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/1994. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình, để có tiền ăn chơi ông Đ vay mượn tiền của người khác, bà H phải đứng ra trả những khoản nợ trên, ngoài ra ông Đ còn có hành vi bạo lực đối với bà H. Ông, bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ có hai người con chung tên Hữu Minh Đ1 (nam), sinh ngày 08/12/1994 và Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006. Hiện nay hai cháu đang sống chung với bà H tại địa chỉ: Số A, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Đào Thị Hồng H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đào Thị Hồng H không yêu cầu ông Hữu Thi Đ cấp dưỡng nuôi cháu L.

Đối với con chung tên Hữu Minh Đ1 (nam), sinh ngày 08/12/1994 đã đủ tuổi trưởng thành, hiện nay đang đi làm, có việc làm ổn định nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/02/2019 và tại phiên tòa hôm nay, ông Hữu Thi Đa Ra trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà H về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống giữa ông Đ và bà H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà bất đồng quan điểm sống. Ông Đ thừa nhận cách đây vài tháng, do bà H có những lời lẽ xúc phạm đến mẹ ruột của ông Đ nên vợ chồng có xảy ra xô xát, trong lúc nóng giận ông Đ đã đẩy bà H ngã xuống đất, sau đó bà H có thương tích gì hay không thì ông Đ không rõ.

Ông Đ thừa nhận vào ngày 19 tháng 12 năm 2018, Ban nhân dân khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành hòa giải về việc ông Đ có hành vi bạo lực với bà H. Nay ông Đ vẫn còn tình cảm với bà H nên ông Đ không đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Hữu Thi Đ và bà Đào Thị Hồng H có hai con chung tên Hữu Minh Đ1 (nam), sinh ngày 08/12/1994 và Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006. Hiện nay hai con chung của ông Đ và bà H sống chung với bà H tại địa chỉ: Số A, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Hữu Thi Đ cũng đồng ý giao cháu Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hữu Thi Đ không cấp dưỡng nuôi cháu L.

Đối với con chung tên Hữu Minh Đ1 (nam), sinh ngày 08/12/1994 đã đủ tuổi trưởng thành, có việc làm ổn định nên ông Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Theo bà H trong quá trình chung sống nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình, mà còn vay mượn tiền bên ngoài để tiêu xài cá nhân, bà H phải đứng ra trả những khoản nợ trên, trong cuộc sống vợ chồng ông Đ có hành vi bạo lực đối với bà H. Ông Đ cũng thừa nhận giữa ông và bà H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, ông cũng thừa nhận có hành vi bạo lực với bà H do bà H có những lời lẽ xúc phạm với gia đình ông Đ. Đồng thời theo Công văn số 150/UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin ông Đ có hành vi bạo hành với bà H và đã được Tổ hòa giải khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tiến hành hòa giải theo đơn yêu cầu của bà H vào ngày 19/12/2018. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006 đến khi cháu L đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu L; Tại phiên toà ông Đ cũng đồng ý giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/12/2018 thì cháu Hữu Nhật L cũng thừa nhận hiện nay đang sống chung với mẹ ruột là bà H, trường hợp cha mẹ của cháu ly hôn thì cháu L có nguyện vọng

sống chung với mẹ ruột của cháu là bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu L hiện nay đang sống chung với bà H, cuộc sống của cháu đang ổn định và cũng phù hợp với điều kiện học tập của cháu. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không cấp dưỡng cho cháu L.

Ông Hữu Thi Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên Hữu Minh Đ1 (nam), sinh ngày 08/12/1994 đã đủ tuổi trưởng thành, có việc làm ổn định. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Đào Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã phân tích, nhận định nêu trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị Hồng H với ông Hữu Thi Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Đào Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hữu Nhật L (nữ), sinh ngày 06/01/2006 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hữu Thi Đ không cấp dưỡng cho cháu Hữu Nhật L.

Ông Hữu Thi Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên cháu Hữu Nhật L (nữ, sinh ngày 06/01/2006) mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên Hữu Minh Đ1 (nam), sinh ngày 08/12/1994 đã đủ tuổi trưởng thành, có việc làm ổn định. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đào Thị Hồng H và ông Hữu Thi Đ trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đào Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004777 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường N, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thanh Loan